BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Nhiệm vụ: "Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thuỷ lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026"

BẢN TIN
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH
Đơn vị thực hiện: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 27 tháng 1 năm 2026

Địa chỉ: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (024) 38 522 086 **Fax:** (024) 35 632 827
Website: http://www.vawr.org.vn

ISO 9001:2015

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Nhiệm vụ: "Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thuỷ lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026"

BẢN TIN
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

ThS Vũ Quốc Chính

CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tin chung

Nhiệm vụ "Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thuỷ lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026" do Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi quản lý. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2026, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 6 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 1,2, 3, 4, 7 và 8, (1 đợt/ tháng). (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD_5 và NH_4^+ theo tuần/ tháng tại các vị trí lấy mẫu các tháng 2, 3, 4 và 3 tuần đầu tháng 7. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước đợt 1, lấy mẫu ngày 18/1/2026, nội dung gồm: Kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI, cùng với những khuyến cáo về chất nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 27 tháng 1 năm 2026

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong Hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 18/1/2026

3. Ngày cung cấp thông tin: 27/1/2026

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 điểm

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

6. Người cung cấp thông tin: ThS. Vũ Quốc Chính - Chủ nhiệm nhiệm vụ

7. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng Công trình Thủy lợi; các đơn vị khai thác CTTL trong vùng.

I. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC VN_WQI

Bảng 1. Đánh giá CLN theo chỉ số chất lượng nước VN_WQI

TT	*Ký hiệu mẫu*	*Vị trí lấy mẫu*	*WQI*	*Đánh giá CLN*	*Màu thể hiện*	*Khuyến cáo sử dụng*
1	BHH1	Cống Xuân Quan	83	Tốt	Xanh lá cây	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN và NTTS; - Sử dụng được cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần được xử lý bằng các biện pháp phù hợp.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	14	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	9	ÔN rất nặng	Nâu	- Không sử dụng được cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp khắc phục, xử lý.
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	19	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	13	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	16	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.

TT	*Ký hiệu mẫu*	*Vị trí lấy mẫu*	*WQI*	*Đánh giá CLN*	*Màu thể hiện*	*Khuyến cáo sử dụng*
7	BHH7	Cống Phần Hà	43	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	19	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
9	BHH9	Cống Bình Lâu	12	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
10	BHH10	Cống Cầu Cất	30	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
11	BHH11	Cống An Thổ	62	Trung bình	Vàng	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN; - Có thể sử dụng cho NTTS nhưng cần được xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	43	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
13	BHH13	Cống Lực Điền	27	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
14	BHH14	Cầu Bằng Ngang	45	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
15	BHH15	Cống Neo	25	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.

II. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI PHỤC VỤ CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (QCVN08:2023/BTNMT, Bảng 2, Mức B)

Bảng 2. Đánh giá CLN trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải phục vụ cho SXNN tại các vị trí quan trắc

TT	*KH mẫu*	*Hệ thống/ trạm đo*	*Số chỉ tiêu vượt QCVN08:2023 (Bảng 2, mức B)*	*Khuyến cáo*
1	BHH1	Cống Xuân Quan	2 chỉ tiêu: + DO dưới 1,02 lần; + Nts: 1,44 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống phục vụ SXNN. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi

TT	*KH mẫu*	*Hệ thống/ trạm đo*	*Số chỉ tiêu vượt QCVN08:2023 (Bảng 2, mức B)*	*Khuyến cáo*
				sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy (tưới tiêu kết hợp)	5 chỉ tiêu: + DO dưới 2,85 lần; + BOD_5: 5,71 lần; + COD: 4,47 lần; + Nts: 17,65 lần; + Coliform: 32,00 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN. - Không lấy được nước phục vụ cho SXNN và NTTS. - Không mở cống Xuân Thụy vào thời điểm cấp nước cho SXNN.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh (tưới tiêu kết hợp):	7 chỉ tiêu: + DO dưới 2,89 lần; + TSS: 1,89 lần; + BOD_5: 3,50 lần; + COD: 2,91 lần; + Nts: 7,14 lần; + Pts: 6,43 lần; + Coliform: 32,00 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN. - Không lấy được nước phục vụ cho SXNN và NTTS. - Tạm dừng cấp nước qua TB Như Quỳnh. Tăng cường lấy nước từ sông Đuống qua TB Phú Mỹ để bổ sung nước cho khu vực Thuận Thành.
4	BHH4	Cống Kênh Cầu (tưới tiêu kết hợp):	5 chỉ tiêu: + DO dưới 2,12 lần; + BOD_5: 3,37 lần; + COD: 2,57 lần; + Nts: 5,32 lần; + Coliform: 18,40 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN. - Không lấy được nước phục vụ cho SXNN và NTTS. - Tăng cường lấy nước qua Xuân Quan để tạo dòng chảy môi trường tăng khả năng tự làm sạch.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà (cống tiêu)	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,18 lần; + BOD_5: 11,02 lần; + COD: 9,28 lần; + Nts: 9,91 lần; + Pts: 1,30 lần; + Coliform: 32,00 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN. - Không lấy nước phục vụ cho SXNN và NTTS. - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù trong thời điểm cấp nước cho SXNN.
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm (tưới tiêu kết hợp)	6 chỉ tiêu: + DO dưới 4,15 lần; + BOD_5: 3,36 lần; + COD: 2,68 lần; + Nts: 6,28 lần; + Pts: 2,40 lần; + Coliform: 18,40 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN. - Không lấy được nước phục vụ cho SXNN và NTTS. - Không mở cống tiêu nước ra sông Kim Sơn vào thời điểm cấp nước cho SXNN.
7	BHH7	Cống Phần Hà (tưới tiêu kết hợp)	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,65 lần; + BOD_5: 3,14 lần; + COD: 2,57 lần; + Nts: 3,43 lần; + Pts: 2,30 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân bón. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô

TT	*KH mẫu*	*Hệ thống/ trạm đo*	*Số chỉ tiêu vượt QCVN08:2023 (Bảng 2, mức B)*	*Khuyến cáo*
				xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
8	BHH8	Cống Bá Thủy (tưới tiêu kết hợp)	6 chỉ tiêu: + DO dưới 3,79 lần; + BOD_5: 2,61 lần; + COD: 2,12 lần; + Nts: 3,33 lần; + Pts: 2,73 lần; + Coliform: 3,40 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân bón và không tưới cho rau màu ăn lá. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo kết hợp với thuốc khử trùng ao nuôi. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
9	BHH9	Cống Bình Lâu (cống tiêu)	6 chỉ tiêu: + DO dưới 4,33 lần; + BOD_5: 6,28 lần; + COD: 5,03 lần; + Nts: 11,93 lần; + Pts: 1,30 lần; + Coliform: 32,00 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN và NTTS. - Không sử dụng nước cho SXNN và NTTS. - Không mở cống Bình Lâu xả ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN.
10	BHH10	Cống Cầu Cất (tưới tiêu kết hợp)	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,19 lần; + BOD_5: 1,17 lần; + Nts: 3,48 lần; + Pts: 3,27 lần; + Coliform: 2,80 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân bón và không tưới cho rau màu ăn lá. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo kết hợp với thuốc khử trùng ao nuôi. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
	BHH11	Cống An Thổ (tưới tiêu kết hợp)	3 chỉ tiêu: + DO dưới 1,26 lần; + BOD_5: 1,03 lần; + Nts: 1,63 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân đạm;. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
	BHH12	Cống Cầu Xe (tưới tiêu kết hợp)	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,25 lần; + BOD_5: 2,33 lần; + COD: 1,79 lần; + Nts: 1,95 lần; + Coliform: 1,58 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân đạm và không tưới cho rau màu ăn lá. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Số chỉ tiêu vượt QCVN08:2023 (Bảng 2, mức B)	Khuyến cáo
				học thả bèo kết hợp với thuốc khử trùng ao nuôi. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
13	BHH13	Cống Lực Điền (tưới tiêu kết hợp)	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,30 lần; + BOD_5: 1,31 lần; + COD: 1,01 lần; + Nts: 3,05 lần; + Coliform: 32,00 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN. - Hạn chế lấy nước phục vụ cho SXNN và không sử dụng nước cho NTTS. Khi sử dụng, giảm lượng phân bón và không tưới cho rau màu ăn lá.
14	BHH14	Cầu Bằng Ngang (tưới tiêu kết hợp)	4 chỉ tiêu: + DO dưới 1,85 lần; + BOD_5: 2,70 lần; + COD: 2,24 lần; + Nts: 4,60 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân đạm. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
15	BHH15	Cống Neo (tưới tiêu kết hợp)	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,15 lần; + BOD_5: 1,82 lần; + COD: 1,45 lần; + Nts: 2,24 lần; + Pts: 1,10 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng, giảm lượng phân bón. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi

Diễn biến chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và WQI đợt quan trắc ngày 18/1/2026 được thể hiện tại các **hình 1 – 8**

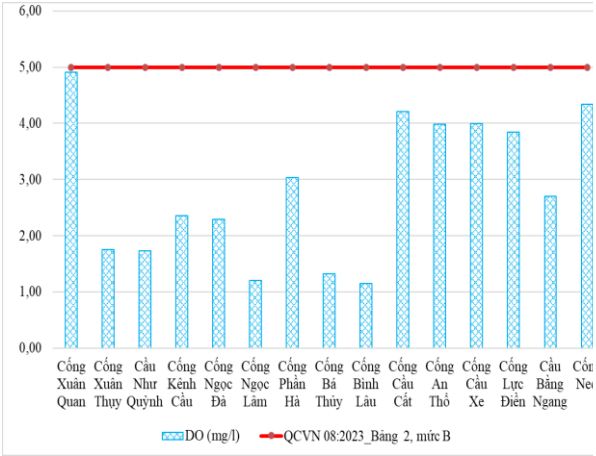

Hình 1. Diễn biến hàm lượng DO đợt quan trắc ngày 18/1/2026

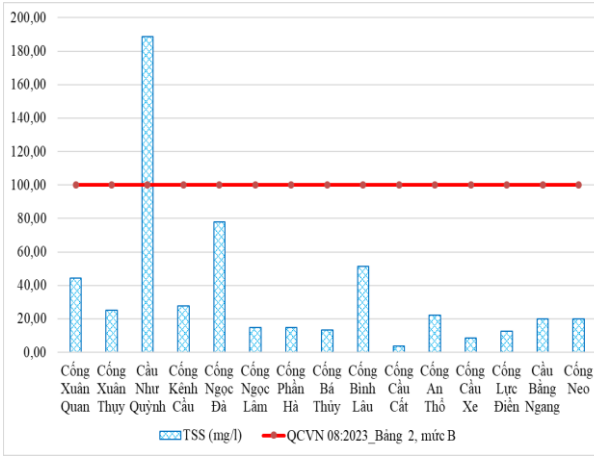

Hình 2. Diễn biến hàm lượng TSS đợt quan trắc ngày 18/1/2026

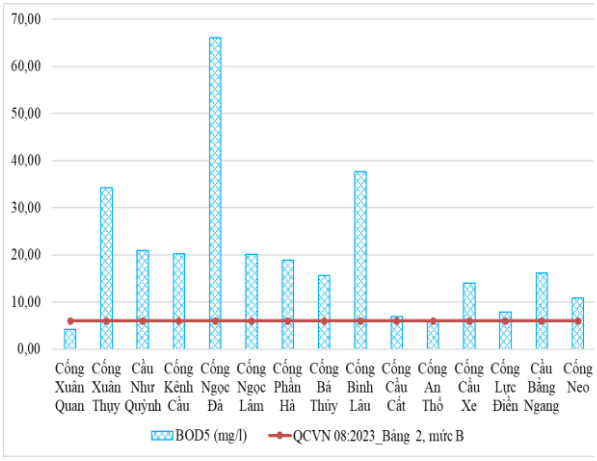

Hình 3. Diễn biến hàm lượng BOD_5 đợt quan trắc ngày 18/1/2026

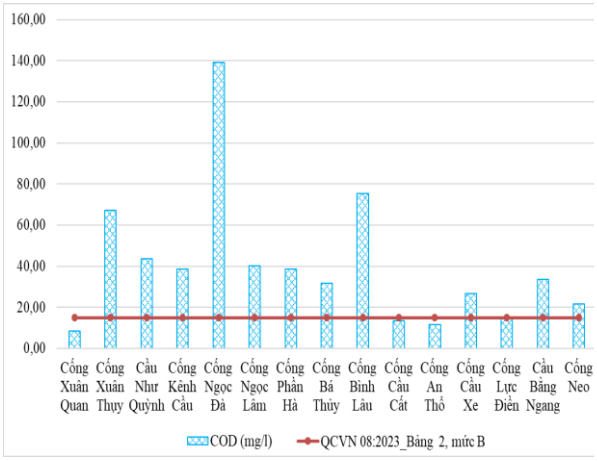

Hình 4. Diễn biến hàm lượng COD đợt quan trắc ngày 18/1/2026

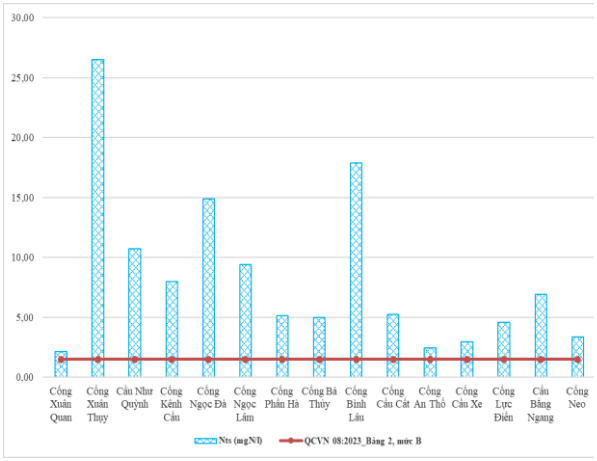

Hình 5. Diễn biến hàm lượng tổng Nitơ đợt quan trắc ngày 18/1/2026

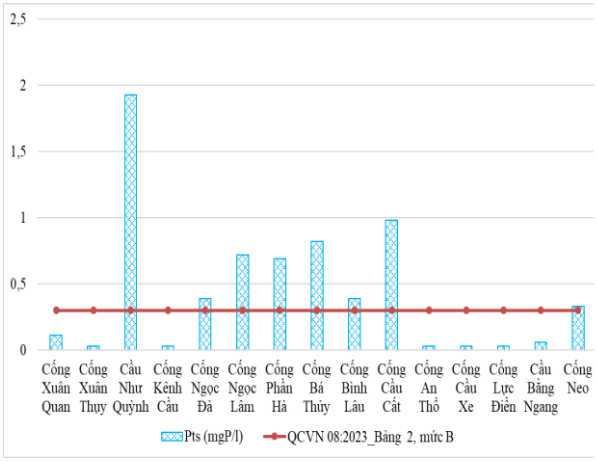

Hình 6. Diễn biến hàm lượng tổng Phosphor đợt quan trắc ngày 18/1/2026

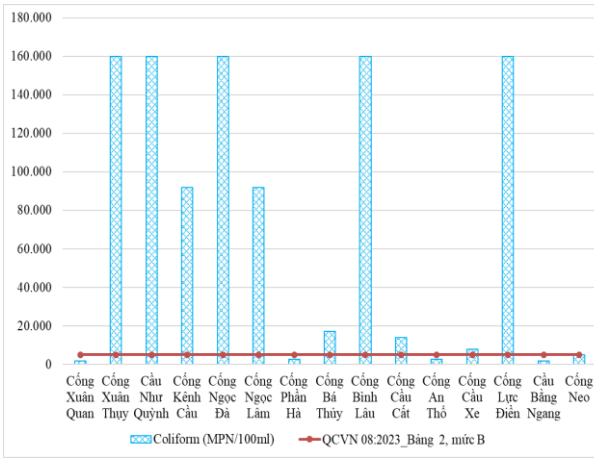

Hình 7. Diễn biến hàm lượng Coliform đợt quan trắc ngày 18/1/2026

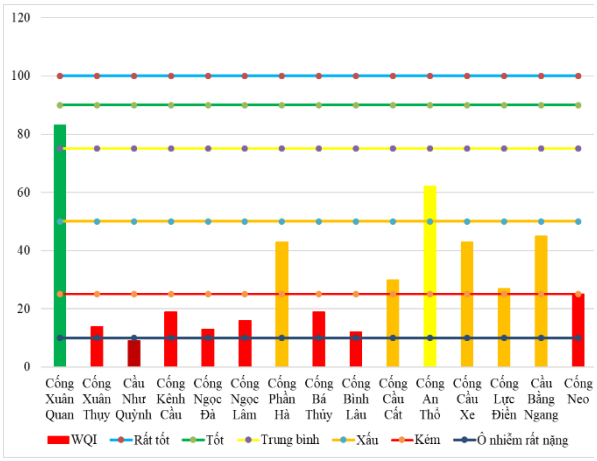

Hình 8. Diễn biến chỉ số WQI đợt quan trắc ngày 18/1/2026

PHỤ LỤC

Kết quả phân tích chất lượng nước trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải và chỉ số chất lượng nước WQI đợt 1, ngày 18/1/2026

TT	*Ký hiệu mẫu*	*Vị trí lấy mẫu*	*T (^oC)*	*pH (-)*	*DO (mg/l)*	*TSS (mg/l)*	*BOD_5 (mg/l)*	*COD (mg/l)*	*NH_4^+ (mgN/l)*	*NO_2^- (mg/lN)*	*N_{ts} (mgN/l)*	*P_{ts} (mgP/l)*	*Coliform (MPN/100ml)*	*Pb (mg/l)*	*Cd (mg/l)*	*WQI*
1	BHH1	C. Xuân Quan	21,4	7,89	4,91	44,46	4,20	8,38	**1,18**	0,04	2,16	0,11	1.700	0,0078	0,0004	83
2	BHH2	C. Xuân Thụy	21,7	7,04	1,76	25,22	**34,24**	**67,07**	**24,60**	0,16	**26,48**	< 0,03	**160.000**	0,0088	KPH	14
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	22,9	7,21	1,73	**188,64**	**20,99**	**43,60**	**8,73**	0,08	10,71	**1,93**	**160.000**	**0,0623**	0,0012	9
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	21,4	7,31	2,36	27,82	**20,24**	**38,57**	**6,00**	0,30	7,98	< 0,03	**92.000**	0,0093	<0,0002	19
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	21,7	7,24	2,30	78,06	**66,09**	**139,17**	**13,55**	0,18	14,86	**0,39**	**160.000**	0,0137	0,0007	13
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	21,4	7,51	1,21	14,62	**20,14**	**40,24**	**6,88**	0,06	9,42	**0,72**	**92.000**	0,0063	<0,0002	16
7	BHH7	Cống Phần Hà	22,6	7,83	3,03	14,88	**18,84**	**38,57**	**3,66**	0,19	5,15	**0,69**	2.700	0,0168	0,0010	43
8	BHH8	Cống Bá Thủy	20,6	7,28	1,32	13,32	**15,64**	**31,86**	**4,05**	0,46	5,00	**0,82**	**17.000**	0,0070	KPH	19
9	BHH9	Cống Bình Lâu	22,3	7,23	1,16	51,46	**37,69**	**75,46**	**16,45**	0,18	**17,89**	**0,39**	**160.000**	0,0113	0,0009	12
10	BHH10	Cống Cầu Cất	21,8	7,89	4,21	3,62	**6,99**	13,41	**0,59**	0,23	5,22	**0,98**	**14.000**	0,0069	0,0004	30
11	BHH11	Cống An Thổ	21,7	7,62	3,98	22,02	**6,19**	11,74	**0,91**	0,24	2,45	< 0,03	2.700	<0,005	KPH	62
12	BHH12	Cống Cầu Xe	22,3	7,81	4,00	8,60	**13,99**	**26,83**	**0,69**	0,16	2,93	< 0,03	**7.900**	0,0149	0,0006	43
13	BHH13	Cống Lực Điền	21,8	6,99	3,85	12,74	**7,84**	**15,09**	**1,60**	0,23	4,57	< 0,03	**160.000**	<0,005	0,0015	27
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	22,5	7,37	2,71	19,92	**16,19**	**33,54**	**3,85**	0,21	6,90	0,06	1.700	<0,005	KPH	45
15	BHH15	Cống Neo	22,5	7,57	4,34	19,94	**10,89**	**21,80**	**1,30**	0,15	3,36	**0,33**	4.900	**0,0835**	KPH	25
QCVN08:2023 Bảng 1			-	-	-	-	-	-	**0,3**	**0,05**	-	-	-	**0,02**	**0,005**	-
QCVN08:2023 Bảng 2, Mức B			-	**6-8,5**	**≥ 5**	**≤ 100**	**≤ 6**	**≤ 15**	-	-	**≤1,5**	**≤0,3**	**≤ 5.000-**	-	-	-

- QCVN08:2023/BTNMT): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Trong đó: Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người; Bảng 2 (Mức B): Chất lượng trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;

- "-": Không quy định;

- KPH: Không phát hiện;

- WQI tính theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường; áp dụng đối với trường hợp thủy vực cần chú ý đến vấn đề ô nhiễm hữu cơ (nhóm V)